

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikafloor®-359 N

LỚP PHỦ ĐÀN HỒI POLYURETHANE 2 THÀNH PHẦN CÓ MÀU

MÔ TẢ

Sikafloor®-359 N là lớp phủ polyurethane 2 thành phần dẻo dai, có màu và không bị ố vàng.

ỨNG DỤNG

Sikafloor®-359 N nên được thi công bởi những nhà thầu chuyên nghiệp.

- Lớp phủ chống mài mòn cơ học cao các hệ thống sàn nhám với đặc tính tạo cầu nối vết nứt cho sàn công nghiệp.
- Đặc biệt thích hợp cho sàn đỗ xe, đường dốc và kho...

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Dẻo dai, đàn hồi tốt.
- Chống ăn mòn hóa chất và cơ học tốt.
- Chống thấm nước.
- Chấn sáng tốt.
- Không ố vàng.
- Hoàn thiện mờ.
- Dễ thi công.
- Có khả năng chống trượt.

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- CE marking and declaration of performance based on EN 13813:2002 Screed material and floor screeds — Screed material — Properties and requirements — Synthetic resin screed material
- CE marking and declaration of performance based on EN 1504-2:2004 Products and systems for the protection and repair of concrete structures — Surface protection systems for concrete — Coating.
- Certified as part of the Surface Protection System OS 11a according to DIN EN 1504-2 and DIN V 18026.
- Certified as part of the Surface Protection System OS 11b according to DIN EN 1504-2 and DIN V 18026.

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	Polyurethane	
Đóng gói	Thành phần A	25.35 kg
	Thành phần B	7.15 kg
	Bộ A + B	32.5 kg
Tham khảo bảng giá hiện tại cho các loại bao bì có sẵn.		
Hạn sử dụng	12 tháng kể từ ngày sản xuất.	
Điều kiện lưu trữ	Sản phẩm phải được bảo quản đúng cách trong tình trạng nguyên vẹn, chưa mở và không bị hư hỏng ở điều kiện khô ráo, nhiệt độ từ +5 °C đến +30 °C.	

Ngoại quan / Màu sắc	Nhựa - thành phần A	Chất lỏng/ có màu.	
	Tác nhân cứng - thành phần B	Chất lỏng/ trong suốt.	
	Màu hoàn thiện	Gần như không giới hạn màu sắc.	
Tỷ trọng	Thành phần A	1.67 kg/l	(EN ISO 2811-1)
	Thành phần B	1.05 kg/l	
	Hỗn hợp đã trộn	1.45 kg/l	

Tất cả các giá trị tỷ trọng được đo ở 23 °C.

Hàm lượng chất rắn theo khối lượng	85 %
Hàm lượng chất rắn theo thể tích	85 %

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Độ cứng Shore D	Bảo dưỡng 7 ngày ở 23 °C	52	(ASTM D2240)
Kháng mài mòn	Bảo dưỡng 7 ngày ở 23 °C	160 mg (CS 10/ 1000/ 1000)	(ASTM D4060)
Cường độ bám dính	> 1.5 N/mm ² (bê tông)		(EN 13892 - 8)
KHÁNG HOÁ CHẤT	Kháng được nhiều loại hóa chất. Liên hệ Phòng Kỹ Thuật Sika để được tư vấn chi tiết.		

THÔNG TIN HỆ THỐNG

Các hệ thống	Vui lòng tham khảo Bảng thông tin hệ thống:	
	Sikafloor® MultiFlex PS-26 UV	Hệ thống sàn phẳng polyurethane đàn hồi, dẻo dai, đồng màu và chống UV.
	Sikafloor® MultiFlex PB-15 UV (G)	Hệ thống sàn đổ xe chống UV cho sàn trung gian và lộ thiên.
	Sikafloor® MultiFlex PB-26 UV	Hệ thống sàn nhám polyurethane hiệu năng cao, đồng màu và chống UV.
	Sikafloor® MultiFlex PB-51 UV	Hệ thống sàn nhám polyurethane hiệu năng cao, đồng màu, được phủ bằng màng đàn hồi chống UV.
	Sikafloor® MultiFlex PB-52 UV	Hệ thống sàn nhám polyurethane hiệu năng cao, đồng màu, được phủ bằng màng đàn hồi chống UV.
	Sikafloor® MultiFlex PB-53 UV	Hệ thống sàn nhám polyurethane hiệu năng cao, đồng màu, được phủ bằng màng đàn hồi chống UV.
Sikafloor® MultiFlex PB-54 UV	Hệ thống sàn nhám polyurethane hiệu năng cao, đồng màu, được phủ bằng màng đàn hồi chống UV.	

THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn	Thành phần A : thành phần B	78 : 22 (theo khối lượng)
Định mức	0.7–0.9 kg/m ² /lớp	
	Vui lòng tham khảo Bảng thông tin hệ thống tương ứng.	
Nhiệt độ môi trường	Tối đa	+30 °C
	Tối thiểu	+10 °C
Độ ẩm không khí tương đối	Tối đa	80 % r.h.

Điểm sương

Thận trọng với sự ngưng tụ.

Nhiệt độ bề mặt sàn chưa xử lý phải cao hơn điểm sương ít nhất 3 °C để tránh rủi ro về sự ngưng tụ hay nở hoa trên bề mặt sản phẩm được thi công.

Nhiệt độ bề mặt

Tối đa	+30 °C
Tối thiểu	+10 °C

Độ ẩm bề mặt

Độ ẩm < 4% pbw.

Phương pháp thử nghiệm: Máy đo Sika®-Tramex, phương pháp đo CM hoặc phương pháp sấy khô. Không tăng độ ẩm theo tiêu chuẩn ASTM (Tấm Polyethylene).

Thời gian thi công

+10 °C	40 phút
+20 °C	25 phút
+30 °C	15 phút

Thời gian bảo dưỡng

Trước khi thi công Sikafloor®-359 N lên Sikafloor®-375/ -350 N/ -326/ -261:

Nhiệt độ mặt nền	Tối thiểu	Tối đa
+10 °C	24 giờ	*
+20 °C	12 giờ	*
+30 °C	6 giờ	*

Thời gian mang tính ước định và bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường, đặc biệt là nhiệt độ và độ ẩm.

** Không khả dụng trong trường hợp sản phẩm sẽ được thi công trên bề mặt kết cấu có cát thạch anh.*

Sản phẩm hoàn thiện

Nhiệt độ	Đi bộ	Ít lưu thông	Đưa vào sử dụng
+10 °C	48 giờ	5 ngày	10 ngày
+20 °C	24 giờ	3 ngày	7 ngày
+30 °C	16 giờ	2 ngày	5 ngày

Lưu ý: Thời gian mang tính ước định và sẽ bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường, đặc biệt là nhiệt độ và độ ẩm

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

TÀI LIỆU CHI TIẾT HƠN

Vui lòng tham khảo các Bảng công bố phương pháp:

- Công bố phương pháp Sika — Đánh giá và chuẩn bị bề mặt Sikafloor® and Sikagard®.
- Công bố phương pháp Sika — Cách trộn và thi công Sikafloor®.

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

- Sikafloor®-359 N mới thi công phải được bảo quản khỏi ẩm ướt, ngưng tụ và nước ít nhất 24 giờ.
- Sikafloor®-359 N thi công ở độ dày khác nhau có thể dẫn đến mức độ mờ hoàn thiện khác nhau.
- Nếu cần sưởi ấm, không sử dụng gas, dầu, parafin hoặc máy sưởi nhiên liệu hóa thạch khác, chúng tạo ra lượng lớn hơi nước CO₂ và H₂O, có thể ảnh hưởng xấu đến bề mặt hoàn thiện. Chỉ sưởi ấm bằng điện hoặc hệ thống máy thổi khí ấm.
- Đánh giá và xử lý vết nứt không đúng có thể dẫn đến giảm tuổi thọ công trình và phản xạ nứt.
- Để đạt màu sắc mong muốn, hãy thi công Sikafloor®-

359 N cùng một số sản xuất ở từng khu vực.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất (sẵn sàng khi có yêu cầu) về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

CHỈ DẪN 2004/42/CE - GIỚI HẠN SỰ PHÁT TỎA VOC

Theo Chỉ thị EU 2004/42, mức tối đa hàm lượng cho phép của VOC (Danh mục sản phẩm IIA/loại j sb) là 500 g/l (Giới hạn 2010) đối với sản phẩm sẵn sàng để sử dụng. Hàm lượng tối đa của Sikafloor®-359 N là < 500 g/l VOC cho sản phẩm sẵn sàng để sử dụng.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

DỤNG CỤ THI CÔNG

Sikafloor®-359 N phải được trộn đều bằng máy khuấy điện tốc độ thấp (300 – 400 vòng/phút) hoặc loại khác phù hợp thiết bị.

Bản chi tiết sản phẩm

Sikafloor®-359 N

Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 02.01

020812050030000012

BUILDING TRUST



CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT / XỬ LÝ SƠ BỘ

Bề mặt phải sạch, nhám, khô và không có tạp chất như bụi bẩn, dầu, mỡ, lớp phủ và xử lý bề mặt, v.v.. Tất cả bụi, vật liệu rời và để vỡ phải được loại bỏ hoàn toàn khỏi mọi bề mặt trước khi thi công sản phẩm, tốt nhất là bằng chân không. Lực kéo không được nhỏ hơn 1,5 N/mm².

Nếu nghi ngờ, hãy thử nghiệm trên khu vực nhỏ trước.

TRỘN

Trước khi trộn, khuấy đều phần A bằng máy. Khi tất cả phần B đã trộn vào phần A trộn liên tục trong 2 phút cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất.

Nếu cần thêm cát thạch anh vào hỗn hợp (theo vào hệ thống), có thể thêm cát khi hỗn hợp thành phần A và B đã được trộn. Thêm cát thạch anh F34 0,1 – 0,3 mm và trộn thêm 2 phút cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất. Để đảm bảo trộn kỹ, đổ nguyên liệu vào một thùng khác và trộn lại để đạt đảm bảo đồng nhất. Tránh trộn hỗn hợp quá lâu để giảm cuốn khí.

THI CÔNG

Trước khi thi công, xác nhận độ ẩm của chất nền, độ ẩm tương đối và điểm sương.

Đây là lớp phủ hoàn thiện trên cùng nên sản phẩm có thể được thi công bằng chổi cao su và lăn (theo chiều ngang) bằng con lăn gai ngắn.

VỆ SINH DỤNG CỤ

Làm sạch tất cả các dụng cụ và thiết bị thi công bằng Thinner C ngay sau khi sử dụng. Khi dụng cụ bị vật liệu bám cứng, chỉ có thể được loại bỏ cách cơ học.

Để tránh tắc vòi phun, hãy thường xuyên vệ sinh thiết bị phun trong quá trình phun.

SỰ BẢO DƯỠNG

Để duy trì bề mặt sàn sau khi thi công, Sikafloor®-359 N phải loại bỏ tất cả các chất tràn đổ ngay lập tức và được làm sạch thường xuyên bằng máy quay quét, máy chà sàn cơ khí, máy chà sàn, cao máy rửa áp lực, kỹ thuật rửa và chân không, v.v. sử dụng chất tẩy rửa và sáp thích hợp.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm

Sikafloor®-359 N
Tháng Tám 2024, Hiệu đính lần 02.01
020812050030000012

Sikafloor-359N-vi-VN-(08-2024)-2-1.pdf

